



Xé Lá Thư Tình và Hình Người Yêu

Captovan, K19

Com nước xong, theo lời đề nghị của nội tướng, gia đình tôi ngồi lại coi video “Lá Thư Chiến Trường” của trung tâm Asia. Vị nể tình vợ con nên tôi phải ngồi cho có mặt vậy thôi chứ khiếu văn nghệ của tôi thì tôi vô cùng, nhất là đối với những sáng tác về sau này đại loại như: “Tình anh ngọn nến, xin em đừng đến”, hoặc giả “Dậy đi em đừng ngủ dây dưa, dậy đi em mà nấu canh chua”, nhất là sau 10 năm đại học máu XHCN mà nghe các cô cậu hét bên tai “Trái tim ngục tù” thì chỉ có chết! Lời ca tiếng hát không hợp khẩu vị, quần áo ca sĩ thì nghèo nàn, xệ trên hở dưới thấy mờ mờ ảo ảo, đâu có nhìn sát màn hình thì chỉ thêm nhức đầu, chẳng ích gì cho tuổi xé chiếu.

Hơn nữa, không hiểu sao hồi này cứ sau bữa cơm tôi là cô nàng “Song Thị Nhân” lại rủ tôi lên giường sớm, viện có với lý do “căng da bụng thì chùng da mắt”, da bụng căng ra thì sẽ kéo da ở mắt khép lại. Nhưng khi đi khám... bác sĩ, thì ông lại nói rằng sau khi ăn xong, đường trong máu tăng cao làm ta buồn ngủ chứ không phải tại da bụng căng ra làm mi mắt kéo lại. Đang lơ mơ ngủ gật, tôi gật mình nghe tiếng con gọi:

- Bố bố, dậy mà xem trên TV người ta đang đọc lá thư chiến trường của Thiếu Tá Huỳnh Văn Phú kia, lời thơ tình tứ và cảm động quá! Có phải đó là thư của bác Phú, TQLC/K19 “của nhà mình” không? Có phải bác ấy viết cho bác Phượng không? Nếu không phải bác Phượng, má của Mimi, thì làm sao bác Phú dám liều mạng đưa thư gửi người tình lên tizi?

Tuy chưa mở mắt ra được, nhưng nghe con hỏi là tôi biết tác giả lá thư tình đó là ai rồi. Trong chôn vãn chương tình ái, chưa có ai trùng tên Phú họ Huỳnh nên tôi xác định ngay:

- Còn ai vào đây nữa, chính là bác Phú K19/TQLC... “của nhà mình” đấy.

Không hiểu con gái tôi học được ở đâu câu nói: “của nhà mình” thay vì “bạn của bố”. Không riêng bác Phú mà bất cứ bác nào cháu biết thì đều vợ vào “của nhà mình”, có lẽ ý cháu muốn... “thấy sang bắt quàng làm họ”. Bác Doan, bác Bằng, bác Chiến, bác Giáng, bác Miên, bác Khương, bác Hải, bác Lâm, bác Đức, bác Cống, bác Cao, v...v... đều là “của nhà mình” cả. Tôi đã nhắc cháu nhiều lần rằng nói như vậy có thể làm các bác buồn, nhưng cháu lại lý sự: “Gọi như vậy nghe thân tình hơn” chứ bố (?).

Thấy con biết kính mến bạn của bố khiến tôi vui vui bèn giải thích thêm:

- Lá thư có thật đó con. Bác Phú viết cho người yêu. Còn người yêu là ai thì bố không nhớ hết, vì là lính đánh giặc từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, dừng quân đâu là có tình yêu đó. Độc thân vui tính biết thả... thơ, biết tán, có tài khôi hài làm người khác cười tít mắt thì ắt có nhiều tình yêu, có nhiều thì sợ gì mà không dám kể.

Thấy bố mạnh miệng bênh vực cho bạn, con gái nháy mắt với mẹ ngồi bên:

- Bố có dám kể cho mẹ và con nghe lá thư bố viết cho người yêu không?

- Không nhớ hết những lá thư bố viết, và viết cho những ai, có lá thư bố viết cho những người tên Mai Liên, Thu Cúc, Trúc Xinh, v.v... thì bị trả lại với dòng chữ ghi trên bì thư “không có người nhận”. Có một lần nhận được thư hồi âm của người yêu, bố chưa kịp đọc thì lá thư đó bị xé nát...

Vừa nói xong câu đó thì tôi thấy nhói bên hông, hình như

có người nào nhéo ba sườn thì phải, rồi nghe tiếng ai thì thảo bên tai: “xạo hoài”! Nhưng con gái thì không biết chuyện vợ chồng tôi vừa “câu-chí” nhau nên cháu hỏi bỏ tới tấp là ai mà dám xé thư người yêu của bố? Người xưa ấy là ai? Yêu từ hồi nào, hiện nay bà ấy ở đâu? Canada hay Hoa Kỳ, hoặc còn kẹt lại ở Việt Nam? Đã có gì với nhau chưa? Có phải lá thư bị mẹ của con xé vì bả ghen...?

Liếc sang mẹ con gái, thấy bà ấy đang ngó lên TV nên tôi nói nhỏ với con:

- Coi chừng bố bị xé xác bây giờ!

Sau đó tôi kể chuyện lá thư tình bị xé cho con gái nghe đầu đuôi là thế này:

Tết năm 1963, Chi Huy Trưởng Trường Võ Bị là Thiếu Tướng Trần Tử Oai cho phân nửa K19 có điều kiện... đi phép Tết. Nhân dịp này, tôi quen được cô T., nữ sinh lớp đệ tam Gia Long, em họ của người bạn cùng học Pétrus Ký. Đêm giao thừa, SVSQ Võ Bị cầm tay cô nữ sinh GL, dung giảng đi xem hoa Tết và xin xăm ở Lăng Ông, Gia Định. Xâm phán: “Tiền hung hậu kiết”, nghĩa là tình trục lức trục ban đầu, hồi sau sẽ đẹp.

Th. và tôi quen nhau từ Tết 1963, mới chỉ tay cầm tay, “anh tiền tuyến em hậu phương” thôi, chưa có gì với nhau hết. Thư đi tin lại được vài năm thì “không phải tại anh mà cũng không phải tại em” mà tại vì chiến tranh nên tình yêu bị gián đoạn, mất liên lạc. Cho đến Tết Mậu Thân 1968, tức 5 năm sau chúng tôi mới gặp lại nhau trong một hoàn cảnh khá bất ngờ.

Nghe tôi kể vậy, con gái tưởng tôi thêu dệt nên nói tiếp theo thay lời bố:

- Lại là chuyện tình éo le thời chiến, hai người yêu xưa gặp nhau trên phố, em đã tay bé tay bông dốt theo ông chồng già, còn anh bận lo giữ biên cương nên vẫn còn độc thân, nay gặp



nhau, liếc mắt ngậm ngùi rời đường ai nấy đi! Có phải vậy không?

- Không phải gặp nhau trên phố, cô ấy cũng chưa có chồng, mà là gặp lại trong một trận “đánh nhau”.

Mắt con gái tròn xoe ngạc nhiên vì hiểu lầm chuyện “đánh nhau”, còn mắt mẹ thì cứ lơ đãng nhìn đâu-đâu, nhìn lên TV xem người ta đọc những “lá thư chiến trường”. Phần tôi thì nhớ lại kỷ niệm ngày gặp lại Th. khá bất ngờ trong trận Mậu Thân 1968 sau mấy năm xa cách và những gì xảy ra sau đó cho tới ngày lá thư tình bị xé.

Tết Mậu Thân 1968, VC đánh chiếm nhiều nơi ở Saigon Chợ Lớn, TĐ2/ TQLC đang hành quân tại Cai Lậy thì được trực thăng Chinook bốc về Saigon, đổ quân xuống ngay trong sân cờ Bộ TTM. Rồi từ ngày đầu Tết Nguyên Đán, TĐ2 hành quân liên tục khắp nội, ngoại thành phố Saigon Chợ Lớn, từ đợt 1 qua đợt 2 (tháng 5/68). Cho tới tháng 9/68, Saigon thanh bình, vì thế TĐ2 mới rời Saigon đi Hồ Bò, Bời Lời (chiến khu D).

Vì VC đánh chiếm nhiều nơi trong thành phố nhưng mỗi nơi chỉ là những đơn vị nhỏ cấp đại đội, trung đội, hoặc các toán đặc công nên TĐ2/TQLC ít khi phải hành quân chung cấp tiểu đoàn mà thường giao cho mỗi đại đội, với quân số trung bình trên 100, để thanh toán những mục tiêu khác nhau.

Sau khi cùng Đại Đội 2 của Đ/Úy Vũ Đoàn Dzoan thanh toán mục tiêu khu vực chùa Ấn Quang (bắt tên Bảy Lốp tại đây), đại đội tôi được lệnh thanh toán mục tiêu tại bến xe đò Miền Tây, nằm trên đường Thành Thái (Chợ Lớn).

Xe GMC đổ quân chúng tôi xuống tại ngã ba đường Thành Thái và Cộng Hòa để tiến dần về hướng Chợ Lớn. Đi dọc theo hai bên đường Thành Thái, vượt qua ngã tư đường Thành Thái & Trần Bình Trọng, đại đội vẫn an toàn. Nhưng khi trung đội đi đầu gần tới bến xe thì súng nổ. Một vài anh em bị thương nhẹ. Tôi cho tạm dừng quân để báo cáo và thăm dò địch tình,

tìm cách thanh toán mục tiêu xem cách nào để hạn chế tối đa thương vong; vì “đánh giặc trong thành phố”, địch trà trộn với dân thật khó nuốt, trong khi không được dùng hỏa lực của Pháo Binh và Không Quân yểm trợ.

Trong lúc chúng tôi tạm dừng quân thì dân chúng hai bên đường hé cửa bước ra hỏi thăm. Dĩ nhiên quân tới đâu thì dân được bình an tới đó, nhất là những chú nhỏ chưa tới tuổi “tòng quân” mà thấy lính với súng đạn quanh mình thì các chú khoái lắm, tò mò bu quanh để tìm hiểu hỏi han đủ chuyện... Chợt thấy ai cầm tay tôi lắc lắc và gọi tên, ngó xuống, tôi nhận ra Tuấn, một trong số 8 em trai của Th..

- Ê Tuấn, sao em đến đây và nhận ra anh?

- Lúc đầu em ngỡ ngỡ nhưng sau thấy tên anh trên nắp túi áo nên em nhận ra, nhà em ở kia kia... Mấy hôm rồi sợ quá nên cứ đóng cửa, nay thấy lính về tụi em mừng quá.

Tuấn vừa nói vừa tay chỉ về căn nhà gần đây... Tôi sực tỉnh nhớ lại đó là nơi tôi từng lui tới trước đây, số nhà là 347 đường Thành Thái. Tôi vội hỏi Tuấn:

- Cả nhà bình an hết, chứ Tuấn*?

- Ba mẹ và các em bình an nhưng... anh Phong tử trận cách nay nửa năm rồi!

(*Sau này, Tuấn đi trên HQ10 và đã hy sinh trong trận Hải Chiến Hoàng Sa vào ngày 19/1/1974 và đã được “thủy táng”. Nói là thủy táng cho yên lòng gia đình có hai con trai tử trận chứ thực ra là mất xác ngoài biển. Theo lời thuật lại của một đồng đội cùng tàu HQ 10, trở về sau khi thoát chết, thuật lại thì cả nhà mới được biết Tuấn bị trọng thương ở đầu, được thủy thủ đem xuống xuống vượt thoát, nhưng vài giờ sau thì Tuấn tắt thở, bắt buộc đồng đội phải thả Tuấn xuống biển!)

Tin Phong tử trận làm tôi choáng váng! Phong là con trai trưởng và là em kế của Th... Muốn được cảm tình của chị thì phải “lấy lòng” mấy cậu em trước nên tôi và Phong rất

thân với nhau. Phong giúp tôi liên lạc thư đi tin lại. Phong “ét-coọc” chị ra khỏi nhà để ba-mợ an tâm, khi chúng tôi gặp nhau rồi thì Phong đi chơi riêng v.v... Vậy mà “cậu em” tử trận tôi không biết! Tôi cũng không nhận ra chỗ đang đứng là khu nhà Th..

Xin các em hậu phương đừng trách lính chiến chúng tôi vô tình, mau quên. Trước mắt tôi lúc đó là địch quân, “bắn chậm thì chết”, kề bên tôi, vài chú em bị thương chưa chuyển đi được, nhiệm vụ quan trọng hơn hết, mọi tình cảm gia đình, cha mẹ, vợ con tạm gác qua một bên, nhất thời tôi chưa nhận ra chôn cũ là do vậy.

Không chỉ riêng tôi, mà hầu như 99% các cấp chỉ huy lính chiến, dù là trung đội trưởng, đại đội trưởng, hay tiểu đoàn trưởng v.v..., trước mặt địch quân thì “súng là vợ, đạn là con”, còn đồng đội là những người thân yêu nhất, sống chết bên nhau, có nhau.

Chúng ta hãy nhớ lại xem... Vào những ngày tháng đầu thương 3-4/1975, có biết bao các cấp chỉ huy đã từ chối lời kêu gọi, năn nỉ của cha mẹ, vợ con: “Về đi” để cùng gia đình đến chôn bình an. Nhưng vì nhiệm vụ họ đã cương quyết ở lại cùng đồng đội cho tới giờ phút cuối cùng, cùng chia nhau một trái măng cầu “gài”, hoặc miệt mài 5-10-15 năm trong ngục tù CS.

TT Thiệu nói: “Mất nước là mất tất cả.” Nhưng các cấp chỉ huy ở lại với đồng đội dù có mất gia đình nhưng không mất đồng đội. Họ sống và chết bên nhau nên mãi mãi, vẫn còn danh dự, còn cái tình khi ty nạn CS ở hải ngoại.

Sau khi giải tòa mục tiêu xong, tôi trở lại thăm gia đình T.



Tranh minh họa do họa sĩ Lương Trường Thọ tặng.

và chia buồn cùng ba-mợ Th., thấp nén nhang cho Phong. Ba của Th. cảm động khi tôi tới chào, ông nói:

- “Các cháu đánh giặc giỏi lắm, lính của các cháu rất kỷ luật.”

Nghe sao mà ấm lòng, và thật mát dạ khi người cũ đưa tôi chai “33” và bao thuốc lá Ruby Queen (màu tím nhạt), hai thứ này là bạn thân của tôi. Ngoài yếu tố “tình cũ không rủ cũng đến” thì sự thương mến đòi lính chiến của gia đình Th. khiến hai chúng tôi gần bó hơn ngày xưa. Nhưng, tình vẫn chỉ là chuyện tình lính, một năm dăm ba ngày phép, rủ nhau dạo phố Nguyễn Huệ, Lê Lợi, ăn gỏi đu đủ bò khô gan cháy, uống nước mía Viễn Đông, ngồi café Mai Hương v.v... Hết phép anh trở ra tiền tuyến em ở lại hậu phương, “chúng ta cách xa hoài”!

Tình yêu vẫn chỉ là thư đi tin lại, yêu nhau trên giấy được hơn một năm... Cho tới một hôm, ngày 19/6/1969, TĐ2/TQLC hành quân vùng Hỏa Lựu, tỉnh Chương Thiện, dừng quân bên hông chợ Hỏa Lựu để nhận tiếp tế và thư từ do hậu trạm mang tới. Tôi cũng nhận được lá thư của Th., chưa kịp ngắm nghĩa cái tên người gửi thì hai chàng ĐĐT/ĐĐ2 và ĐĐ4 là Đ/Úy Trần Văn Hợp, Đ/Úy Vũ Đoàn Dzoan cùng với Phạm Hiệp Sĩ, thuộc TĐ4/TQLC cùng hành quân chung, đến kéo tôi vào quán cháo lòng bên hông chợ... Buổi sáng sương mù phủ kín đồng quê, trời lạnh, cháo nóng, bạn đồng khóa đông (4 tên), lại thêm cái bi-đông để luôn bên hông của Hiệp Sĩ nên tôi để yên lá thư tình trong túi áo.

Khi đi hành quân, đang leo núi, băng rừng, lội sinh mà nhận được thư gia đình, nhất là thư của người yêu thì mừng và quý lắm, cứ như gặp được người thật. Tâm trạng mừng vui tuyền người, có anh vờ vập đọc ngay, có chàng từ từ mà cười, mà mở sao cho cái bì thư không bị rách (?). Chàng khác thì cầm chắc trong tay cứ như “tay lại cầm tay”, mắt len lén nhìn quanh xem có ai để ý không rồi từ từ đưa thư lên mũi hôn như để

tìm mùi da tay, mùi nước hoa quen thuộc. Còn tôi thì lúc nào cũng hôn tên người gửi rồi gói kỹ lại để dành tới cuối ngày khi dừng quân nằm đong đưa trên võng, uống café, hút thuốc lá mới bóc thư tình.

Còn gì vui bằng khi đóng quân xong, leo lên võng, đặt thư tình lên ngực tưởng như hai ta cùng nằm chung võng, vừa đu đưa vừa đọc thư, kéo một hơi thuốc lá, nhả khói vòng tròn thấy khuôn trắng người tình trong đó. Chuyện lính chiến trường khi dừng quân, nhận và đọc thư người yêu thấy lãng mạng và dễ thương làm sao! Người hậu phương nếu biết được tình cảm này chắc chẳng bao giờ nữ cách xa, nữ sang ngang, hay không bao giờ muốn chuyện tình “đôi ta lại vỡ đôi”.

Nhưng thực tế không đẹp như mong ước mà nhiều khi còn vỡ nát con tim, gặp nhiều đau thương sau khi đọc thư tình: “Anh ơi, em vẫn thương anh, nhưng mẹ bắt em đi lấy chồng, em không muốn mất chữ hiếu!” Cũng có khi chưa đọc thư, hoặc vừa đọc thư em xong thì anh lăn quay ra làm người thiên cổ!

Ai đã từng đọc “Những Buổi Sáng Của Lựu” trong tập truyện “Mùa Xuân Âm Thầm” của nhà văn Huỳnh Văn Phú chắc khó tin đó là chuyện tình có thật. Chuyện tình đẹp như tranh giữa Trung Úy TQLC Nguyễn Quốc Chính, K20/Võ Bị, và người tình tên Lựu, nhưng nửa đường gãy gánh!

Đã lâu lắm rồi nhưng tôi còn nhớ rõ câu chuyện như mới xảy ra. Chiều ngày 29/12/1967, sau khi đóng quân xong, Chính và tôi nằm võng cạnh nhau bên bờ sông Cai Lậy, café, thuốc lá và tâm tình. Chính lấy thơ của Lựu ra đọc. Họ mới trao nhẫn đính hôn trước khi đi hành quân. Sau khi đọc đi đọc lại nhiều lần, hôn hình vợ chưa cưới, Chính thờ dài:

- Sao lần này đi hành quân, em thấy có cái gì lẩn khuất và nhớ Lựu quá!

Chính là đàn em khóa sau và là đại đội phó của tôi, là một sĩ quan lý tưởng, chiến đấu gan dạ, giàu tình anh em. Tôi ngạc

nhiên vì cử chỉ khác thường của Chính nên chọc què:

- Rõ chán! Chú mày mới đi dạo vợ thôi, vừa xa người yêu có vài ngày mà đã rối lên. Chắc là chú mày nhớ cái “lấn cấn” phải không?



*Trực thăng vận đến Mai Lộc,
1970*

Sáng hôm sau, đại đội tôi đổ bộ trực thăng đầu tiên xuống kinh Cái Thia (Cai Lậy). Chính là đại đội phó nên thường đi với trung đội đầu, nhưng nhớ lại tâm sự buồn của chú chiều hôm trước nên tôi bảo Chính đi sau với trung đội súng nặng. Chính nhất định lên trực thăng nhảy đầu với Th/Úy Huỳnh Vinh Quang (K22/VB), vì Quang mới ra trường và tôi giao nhiệm vụ cho Chính săn sóc Quang.

Trực thăng chở Chính và Trung Đội 14/ĐĐ1 của Quang vừa đáp xuống ruộng lúa ven bờ kinh thì bị VC trong bờ bắn ra rất mạnh bằng nhiều loại súng, không còn cách nào khác để tránh làm bia đỡ đạn, hạn chế thương vong là phải xung phong ngay. Từ phía sau, tôi trông thấy rõ Chính cầm tấm bản đồ gấp tư phát tay cùng Quang và trung đội dàn hàng ngang, vừa bắn vừa tiến thẳng vào bờ kinh. Khi người khinh binh đầu tiên bám được vào bờ cũng là lúc Quang báo cho tôi trong tiếng hét:

- “Anh Chính chết rồi!”

Đạn xuyên màng tang! Nguyễn Quốc Chính đã “Đền xong nợ nước”!

Vừa đọc thơ người yêu, thơ vợ xong rồi tử trận như trường hợp của Nguyễn Quốc Chính không phải là hiếm! Tử sinh

ngoài chiến trường nhanh như chớp mắt, có những điệp báo trước khó tin nhưng có thật!

Chiều tối đóng quân, sau khi Chính tử trận, tôi ngồi trên nón sắt, hai tay ôm đầu bên miệng hố cá nhân mà khóc chú em. Có phải là dị đoan chẳng khi Lựu có nốt ruồi dưới khóe mắt mà dân gian thường gọi nốt ruồi ấy là “thương phu trích lệ”? Tôi cương quyết gạt bỏ cái tính mê tín dị đoan ngay. Chính hy sinh không phải vì cái nốt ruồi mà vì **lòng dũng cảm của một lính chiến, vì tình huynh đệ của đồng môn Võ Bị. Chính tình nguyện nhảy trực thăng đầu tiên là do muốn hướng dẫn, truyền kinh nghiệm cho đàn em mới ra trường**, chứ không hẳn Chính là đại đội phó là cứ phải nhảy đầu, đi với trung đội đầu là “bình thường”, như lời “quan bạn” đã phán!

Tôi đang mơ màng nghĩ đến Chính, chú em thân thiết hơn ruột thịt mới “ra đi” thì người em cận vệ của tôi, B1 Nguyễn Văn Đá, mới thuốc xong cho 2 hiệu thính viên, Hạ Sĩ Thà và B1 Tám, quay ra thấy tôi buồn nên Đá đưa điều thứ ba cho tôi. Hai cái đầu chụm vào nhau để mỗi thuốc, ánh lửa vừa đỏ lên thì nghe một tiếng “chát”, tiếng súng xé toạc màn đêm. Đá gục xuống, máu và óc thẳng em văng đầy mặt tôi. **Tôi vội lăn xuống hố, chưa biết mình có bị thương hay không, lấy tay xoa khắp mình, không có cảm giác đau đớn. Tôi không bị thương, nhưng môi nếm được vị mặn của máu và nước mắt, máu của em Đá.** Em đang nằm gục trên miệng hố. Đá quê Cát Lở, Vũng Tàu. Em đi nhanh quá, chết nhanh như đạn đạo, em không còn đi bên tôi nữa!

Lính trận kiêng không mỗi thuốc lần thứ ba, không châm cùng một môi lửa cho ba người hút thuốc liên tiếp, họ cho đó là điệp xui, dị đoan cũng như dị đoan tin vào nốt ruồi “thương phu trích lệ”. Nhưng thực ra đó không phải là điệp xui, không nên tin đó là dị đoan. Nguyên do chính là tên VC bắn tia, với cây CKC có ống nhắm, từ bìa rừng đã theo dõi mục tiêu. **Khi đốm lửa đầu lóe lên để đốt điều thuốc lần thứ nhất thì nó lấy đường nhắm vào đốm lửa. Khi mỗi điều thuốc lần thứ**

hai, đốm lửa đỏ vừa lóe lên thì ngón trở tên VC đặt vào cò súng CKC. Khi ánh lửa từ điều thuốc thứ ba vừa lóe sáng là nó... bóp cò, rất chính xác. Viên đạn chưa xuyên táo là may. Trong đêm tối, không thấy gì, trừ đốm lửa là thấy rõ, dù rất xa. Đốm lửa lóe lên ba lần là lãnh đạn của những tên bắn tia, không có dị đoan gì cả.

Khi tôi nhận được thư, nhìn tên người gửi, tôi cầm lá thư



Th/Tá Nguyễn Kim Đễ, K16 (đã qua đời); các Đ/U Tô Văn Cấp, K19; Trần Văn Hợp, K19 (đã tử nạn trong tù); Vũ Đoàn Dzoan, K19. 1969 (từ trái).

dày là biết có hình trong đó, vì thư trước Th. đã hứa “sẽ bắt ngờ đến thăm anh”. Tôi biết cuộc hành quân vùng Chương Thiện này là phải lội qua nhiều kinh rạch nên tôi bọc lá thư thật kỹ bằng nhiều lớp nylon, giăng dây thung bên ngoài, để thư lên túi áo trái cho khỏi ướt.

Khi nghe tôi nói để thư trên “túi áo trái” thì con gái của tôi mỉm cười:

- Túi nào chẳng được mà bố lại tin dị đoan: “trai tay phải, gái tay trái”

- Không phải là tin dị đoan, mà vì trái tim nằm phía trái nên

bỏ để thư của người yêu nằm phía túi áo trái đó cho lãng mạn.

Tuy là gái, nhưng cháu vẫn thường tìm hiểu về chiến tranh Việt Nam và đang viết bài thuyết trình về tình yêu quê hương và gia đình của người lính VNCH nên cần những tài liệu sống. Vì vậy nhân dịp này, tôi kể lại chi tiết cụ thể của chính mình trong cuộc hành quân này cho cháu dùng làm tài liệu.

TĐ2/TQLC chia làm hai cánh để tiến vào mục tiêu, cánh A do TĐT Nguyễn Xuân Phúc chỉ huy, gồm có ĐĐ4 của Trần Văn Hợp, ĐĐ1 của Tr/Úy Lâm Tài Thạnh. Cánh B gồm có ĐĐ3 của tôi và ĐĐ2 của Dzoan. Đáng lẽ cánh B do TĐP là Thiểu Tá Nguyễn Kim Để chỉ huy, nhưng anh Để đi nghỉ phép để chuẩn bị thành lập TĐ9/TQLC, nên anh Phúc giao cho tôi coi cánh B.

Khi cánh B đổ trực thăng xuống cánh đồng ruộng nước để tiến vào làng thì tôi phát giác có dấu vết khả nghi trên các bờ ruộng, đường mòn dẫn vào mục tiêu. Theo lý thuyết học tại quân trường thì không bao giờ đi trên các đường mòn, vì vậy tôi cho lệnh đại đội lội dưới ruộng mà đi, men theo các bụi dừa nước để tiến vào làng. Nào ngờ, thực tế lại khác, VC đã gài sẵn mìn dưới gốc dừa nước, dây cườc giăng chìm dưới nước luôn, làm sao biết mà tránh. Mìn nổ tung ngay giữa ban chỉ huy cánh B, cổ vấn Mỹ bị cụt tay, cận vệ tử thương, tôi bị trọng thương.

Đ/Úy Dzoan gọi máy báo cho anh Phúc và Trưởng Ban Ba Chiến Đoàn là Đ/Úy Trần Kim Đệ, đang bay C&C, đáp trực thăng xuống tải thương cho tôi về bệnh viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Trong lúc y tá lựa thương, tôi mới biết mình bị gãy xương chân phải và tay trái, bể xương hàm, máu mũi và hai lỗ tai chảy ra. Tôi nghe loáng thoáng một bác sĩ sờ chân tôi rồi bàn với nhau: “Phải cưa!” Vừa lúc đó thì bác sĩ TQLC Nguyễn Văn Hạnh đến nhận thương binh TQLC để chuyển thẳng ra phi trường về bệnh viện Lê Hữu Sanh tại Thị Nghè Saigon điều trị. Tôi thều thào nói với BS Hạnh:

- “Đừng cưa.”

BS Hạnh mỉm cười, vỗ vỗ tay tôi an ủi rồi chích cho tôi thuốc ngủ, giảm đau.

Nửa tỉnh nửa mê nằm trên giường bệnh, toàn thân bị bó bột. Thoảng nghe tiếng ai nhỏ nhẹ bên tai, nhướng mắt lên, nhận ra mẹ tôi và cô T.. Hai người thân yêu nhất đời tôi đang cạy những vết máu và bunn đã khô còn dính lại trên đầu và mặt tôi. Thấy tôi mở mắt, cô Th. mỉm cười rồi thì thầm hỏi:

- Anh đã nhận được thư và hình của em chưa?

Lúc đó, tôi mới sực nhớ đến lá thư trên túi áo trái. Tôi vội hỏi Bình Nhất Xiêm, người em đi theo tôi, thì chú ấy lòi trong bọc nylon ra bộ đồ trần ẩm ướt hôi rình! Túi áo trái bị rách nát, lá thư và hình còn trong túi áo nhưng cũng bị rách! Trong bọc nylon gói lá thư còn có một miếng kim loại lớn hơn đốt ngón tay út.

Tôi hiểu ngay điều may mắn kỳ diệu đã đến với tôi, lá thư chưa đọc được bọc trong nhiều lớp nylon, tấm hình và những tờ giấy “pelure” tuy mềm nhưng đủ sức giữ miếng kim loại ở lại trong túi áo. Nếu không có lá thư làm “lá chắn” thì chắc chắn miếng kim loại đó đã bay thẳng vào tim tôi! Tay run run cầm tấm hình bị xé rách và miếng đạn, tôi thều thào nói với người yêu:

- Thư và hình của em bị miếng đạn xé nát, nhưng chính hình em đã che chở cho anh. Anh tặng em miếng đạn này để làm kỷ niệm... “khi em sang sông”.

Vừa nghe tôi kể tới đó thì con gái của tôi lau nước mắt rồi cười, nói:

- Lãng mạng, lãng mạng. “Khi em sang sông, anh tặng em viên đạn đồng để làm kỷ niệm!” Thế rồi cô Th. thấy tương lai của bố mờ mịt, bố sẽ lê lét trên đôi nạng gỗ nên cô ấy sang sông, rồi bố được mẹ con mang về nuôi, có phải không?

Nghe con cười và chọc quê bố, mẹ cháu cũng vui lây hát

nho nhỏ:

- Anh trở về trên đôi nạng gỗ, anh trở về làm dang dở đời em!

Lúc này thì trên TV, lá thư tình của nhà văn Huỳnh Văn Phú đã sang trang. Mẹ toan đi ngủ thì con gái cầm tay mẹ kéo lại rồi quay qua điều tra bố thêm, cháu có vẻ như ghen thay cho mẹ.

- Thế cô Th., người bố yêu ngày xưa ấy bây giờ ở đâu? Đã có chồng chưa, được mấy con? Chẳng hay cái... ấy hết hay còn? Xuân sồn sồn nay được bao nhiêu tuổi? Có bao giờ bố gặp lại bà ấy không?

- Gặp thường xuyên, bà ta tuy có chồng có con nhưng vẫn còn đẹp. Bố và bà ta vẫn thỉnh thoảng cùng nhau coi lại tấm hình và lá thư tình ngày xưa bị xé rách.

Con gái tôi ngạc nhiên tròn xoe đôi mắt:

- Thôi nghe bố, bố đừng có lạng quạng với bà ấy mà có ngày cả bố, lẫn con bị bỏ đói hay phải ăn food-to-go. Nhưng mà bố này, bữa nào bố mượn lại bà ấy tấm hình đó đem về đây cho con xem bà ta có đẹp hơn mẹ con không mà bố dám liều mạng.

- Nếu con muốn coi tấm hình đó thì hỏi mẹ, mẹ đang giữ.

Nghe tôi nói vậy bà già mỉm cười, còn con gái thì phụng phịu:

- Tưởng bố kể chuyện tình tiết éo le, hóa ra chuyện “huề vốn”. Cô Th. là mẹ Thúy, người trong hình bị xé là mẹ con! Xé lá thư tình và hình người yêu là do đạ xé chứ đâu phải bố. Chán bố quá!./.



Lời Goá Phụ

Khuyết Danh, K19

(Viết cho người vợ trẻ sớm mất chồng trong chiến tranh)

Tha ma buồn hoang vắng
em ngồi khóc thương anh
vành khăn tang màu trắng
ngôi mộ anh chưa xanh.

*Khói hương tàn trong gió
hồn anh về đây chưa
lá thu vàng chợt đỏ
em nhớ chuyện ngày xưa.*

Gặp nhau vào mùa thi
thương nhau tuổi Xuân thì
chuyện tình yêu còn đó
lòng em đây còn ghi.

*Thời gian ta yêu nhau
hạnh phúc tưởng bên lâu
nào hay đời đời ngã
cho em thêm âu sầu.*

Quê hương mờ lửa đạn
Lòng đất Việt quặn đau

Anh đáp lời sông núi
chiến đấu cho đời sau.

*Ngày ta sống bên nhau
thời gian qua rất mau
anh lại vào chiến trận
cho em nhiều lo âu.*

Vào một chiều cuối Hạ
Vui đón nhận thư anh
Cùng một lúc tin điện
Cho em sự chẳng lành.

*“Thiếu Úy Trần Nguyên Vũ
nợ nước đã đền xong.”*

*Em bỗng òa lên khóc
đơn đau nát cõi lòng.*

Giờ đây trong hoang vắng
giữ tha la màu xanh
vời vàng khăn tang trắng
em ngồi khóc thương anh.

Tùy Bút

NHỮNG NGÀY THÁNG ĐÓ

Vi Vân, k20

Tôi vừa xem một đoạn phim “Last Days In Vietnam”, về những hình ảnh di tản hãi hùng, hỗn loạn của Sài Gòn vào những ngày 28, 29, và sáng ngày 30-4-75. Thật đau lòng khi nhìn lại quang cảnh dân Việt Nam chen lấn giành giật nhau để được lên máy bay, lên tàu Mỹ, tàu ngoại quốc, hay đủ loại tàu bè hầu chạy trốn Cộng Sản; hoặc cảnh la hét, kêu réo, níu kéo đập lên nhau để tìm sự sống. Có những người đã bị bỏ lại sau cánh cổng Toà Đại Sứ Mỹ, có rất nhiều người đã vào được trong sân Tòa Đại Sứ nhưng vẫn không kịp di tản, và có những người bị rút xuống biển khi sắp sửa được bước lên tàu lớn. Một cảnh làm tôi thật xúc động là hình ảnh một số sĩ quan, binh sĩ Việt Nam Cộng Hoà, theo lệnh của Đại Tá Hải Quân Đỗ Kiềm, đã kéo lá cờ vàng ba sọc đỏ lên và hát bài Quốc Ca Việt Nam lần cuối, trước khi hạ cờ xuống và kéo cờ Hoa Kỳ lên.



Tiếng hát hùng hồn xen lẫn đau xót, đầy nước mắt của những người vừa mất nước, mất quê hương sắp sửa bước vào đời lưu vong chưa định hướng:

*“Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi.
Đông lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống...”*

Ồi! Dù các anh đã không tiếc gì thân sống, sẵn sàng hy sinh chiến đấu cho non sông, tổ quốc; nhưng các anh cũng không giữ được mảnh giang sơn gấm vóc của mình. Tại sao? Vì sao?

Đã hơn bốn mươi năm rồi, cứ mỗi lần nhìn hoa đào rụng rơi

bay lá tả trong gió cuối Xuân, nắng vàng trải đầy khắp nẻo đê bước vào tháng Tư là lòng tôi chợt ngậm ngùi, xót xa nhớ về những ngày tháng đó...

“Những ngày tháng đó” là những ngày tang thương, thống hận chập xuống lứa tuổi đôi mươi của tôi và các chị em cùng trang lứa, của những người con gái đã yêu lính và là vợ lính. Chúng tôi bàng hoàng, ngỡ ngác trước nghịch cảnh đón đầu, chua xót khi Cộng quân tràn vào miền Nam, bắt chúng tôi phải xa chồng, gồng gánh nuôi con thơ dại, chịu đựng biết bao đắng cay tủi nhục. Những ngày tháng đau thương đó có lẽ đã có mầm mống từ ngày đầu năm 1975 khi những điếm không lành xảy đến cho tôi và các bạn. Tôi còn nhớ thật rõ như chuyện mới xảy ra ngày nào...

Trước năm 1975 tại thành phố Cần Thơ, có bốn gia đình Khóa 20 Võ Bị chơi rất thân với nhau. Đó là gia đình anh chị Nguyễn Hữu Phước, anh chị Trịnh Văn Hơn, anh chị Phạm Văn Khóa, và vợ chồng tôi -Trần Văn Chu.

Tôi là người miền Nam nên theo thói quen của ông bà, tôi rất tin tưởng vào sự tốt, xấu của những cành hoa mai chôn vào dịp Tết. Hằng năm cứ vào khoảng 27 hoặc 28 Tết là chúng tôi có một bình hoa mai to đặt giữa nhà. Sáng ngày mừng Một Tết thì mai sẽ nở rực rỡ và tôi vui mừng vì nghĩ rằng mình sẽ được may mắn suốt năm. Nhưng năm ấy, sáng sớm tôi bước ra nhìn bình hoa mai thì thấy hoa không nở bông nào mà lại rụng rơi đầy trên nền nhà. Tôi hốt hoảng gọi chồng tôi ra xem, anh cũng giật mình khi trông thấy thế nhưng anh cố trấn an tôi:

- Không sao đâu em, không phải là điếm xấu, chắc tại thời tiết thay đổi thôi.

Sau đó anh bảo tôi sửa soạn để đến nhà anh chị Khóa chơi. Khi chúng tôi vừa đến, chị Khóa đã vội lên tiếng than thở:

- Thật là xui quá. Mới sáng Mùng Một Tết mà nhà tôi có hai con thỏ, một trắng và một đen, đều lăn ra chết.

Chị Khóa có vẻ buồn lắm. Sau khi chúc Tết và an ủi cho chị

bớt lo lắng, chúng tôi đến nhà anh chị Hôn. Xe vừa tắt máy trước nhà thì chị Hôn đã tươi cười hơn hở bước khoe rằng năm nay hoa mai nhà chị nở toàn 6, 7 cánh. (Thường thì hoa mai ngày xưa chỉ có 5 cánh.)

Quả đúng như vậy, tôi lại gần nhìn thật kỹ thì thấy không sai chút nào. Tôi nói:

- Anh chị gặp may mắn rồi. Chắc năm nay chị sẽ có thêm em bé, hoặc anh Hôn sẽ lên Trung Tá.

Một tuần lễ sau, bốn gia đình chúng tôi mời cơm hai vị niên trưởng Võ Bị của các anh tại nhà anh chị Phước. Hai vị đó là Đại Tá Kính (đang là Trưởng Ty Cảnh Sát tỉnh Cần Thơ-Phong Dinh. Tôi không nhớ họ của ông. Vị kia là Trung Tá Trần Đắc đang là Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Phong Dinh. Bữa cơm đang giữa chừng thì Trung Tá Đắc bị Đại Tá Huỳnh Ngọc Diệp, Tiểu Khu Trưởng kiêm Tỉnh Trưởng Phong Dinh, gọi về gấp vì một tiểu đoàn đang hành quân bị mất liên lạc...

Thế là từ đó không khí trở nên căng thẳng, tình hình chiến sự trở nên sôi động khắp nơi. Khi có lệnh rút quân ở Cao Nguyên, ở miền Trung, những hình ảnh chết chóc bi thảm, xác người chồng chất lên nhau trong những cuộc di tản, trên Quốc Lộ 1, Đường Số 7, Đường 13... đã làm dân chúng hãi hùng, run sợ.

Thành phố Cần Thơ bắt đầu bị pháo kích, không khí chiến tranh đã khởi sự. Rồi lệnh giới nghiêm ban đêm, lệnh quân nhân cấm trại. Hằng đêm tôi và chị Hôn phải dẫn con đi ngủ nhờ ở một tòa building 5 tầng của một người quen để tránh đạn pháo kích cho các anh yên lòng vào trại lính. Tình trạng đó kéo dài mấy tuần thì... sau đó ít ngày, khi tôi đang lo cho con ăn sáng, bỗng tôi nghe từ radio thật rõ ràng lời ông Dương Văn Minh ra lệnh cho anh em binh sĩ buông súng để “bàn giao với bên kia”. Tôi buông ly sữa rớt xuống đất. Thế này là sao? Chúng ta thua rồi sao?

Mặc dù tình thế không cho phép tôi lạc quan nhưng tôi

chưa bao giờ nghĩ Việt Nam Cộng Hòa sẽ thua Việt Cộng. Trong lúc hoảng sợ, tôi kêu xe chạy đến sở của chồng tôi.

Quang cảnh ngoài đường bấy giờ vô cùng hỗn loạn. Xe hơi, xe gắn máy, xe jeep, cả người đi bộ đều chạy rầm rập, ai cũng lo mau về nhà. Vài chiếc xe hơi, xe jeep đang chạy bỗng ngừng lại, nhiều người nhảy khỏi xe chờ đợi... và trực thăng đang bay trên cao bỗng xà, đáp xuống bốc những người đó rồi bay đi. Tôi ngẩn ngơ nhìn theo như người mất hồn, tôi không còn cảm giác. Xe tôi đang đi bị chặn lại, những con đường lớn đều bị binh sĩ kéo kẽm gai ngăn cản không cho ai đi vào các cơ quan quân sự, tôi đành quay về nhà chờ chồng tôi.

Chùng độ 30 phút sau chồng tôi chạy về, anh nói:

- Nghe nói ông Tướng Tư Lệnh vùng đang hội họp những sĩ quan cao cấp để quyết định là Vùng IV phải đánh, hay đầu hàng. Nếu anh em cùng ở lại chiến đấu thì anh không thể bỏ đi.



Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV và Quân Khu 4 Chiến Thuật, 1974.

Lúc đó tôi cho rằng anh nói đúng nên không có ý kiến gì hết, tất cả là do anh thôi. Sau đó, anh lại ra đi. Gần một tiếng đồng hồ sau, khi trở về anh nói:

- Không biết sự thể ra sao mà Đại Tá Tỉnh Trưởng bảo ai muốn chạy đi thì theo ông, vì hiện giờ có hai chiếc tàu Hải Quân (đúng hơn là hai chiếc Giang Cảnh) đang đậu phía sau dinh Tỉnh Trưởng? Anh vừa đưa một người bạn xuống tàu. Anh không gặp anh chị Hơ nhưng nghe nói anh chị ấy đã xuống tàu rồi. Anh về hỏi ý em coi có muốn đi không? Từ đây tới đó khoảng 10 phút thôi.

Tôi phân vân quá. Nghĩ đến cảnh phải ăn bánh mì thay cơm và cái giá lạnh, tuyết rơi ở xứ Mỹ, tôi ngại ngần nên nói:

- Hay thôi đừng đi anh ạ! Mình ở lại giải ngũ rồi ra ngoài lo làm ăn cũng được.

Không hiểu sao một người từng chạy trốn Cộng Sản từ Bắc vô Nam như chồng tôi mà không nhìn thấy được viễn ảnh khi sống với họ, anh buông một câu:

- Vây tùy em.

Chữ “tùy em” đó đã đổi lại bao nhiêu năm đắng cay, gian khổ, tủi nhục của anh trong chốn lao tù. Tới bây giờ nhắc lại tôi vẫn còn thấy hối hận và tự trách mình.

Khi nghe tin hai chiếc tàu Hải Quân ở dinh Tỉnh trưởng đã rời bến, chúng tôi bỗng thấy hối tiếc và buồn vô hạn. Chồng tôi liên lạc với hai anh Phước, Khóa được biết các anh còn ở lại. Chúng tôi cũng an tâm phần nào vì ít ra còn có bạn bè sẽ cùng nhau đối diện với những gì sắp xảy đến. Sau đó, chồng tôi chở tôi đi vài nơi, thăm những người quen xem họ còn ở lại hay đã đi rồi. Nơi cuối cùng chúng tôi ghé là Toà Đặc Ủy Giám Sát Vùng 4, trên đường Phan Đình Phùng.

Lúc đó, Đại Tá Võ Văn Ba, Đặc Ủy Giám Sát, đã vắng mặt. Nơi đây, chỉ còn anh Chánh Sự Vụ Lê Công Khanh, anh Thanh Tra Đoàn Ngọc Tuyên, và hai trưởng phòng là chú Hà Văn Ngữ và chú Nguyễn Trung Thu. Chúng tôi hàn huyên, bàn luận một lát thì hai anh thanh niên trẻ là Lê Công Khanh và Đoàn Ngọc Tuyên hối hả bỏ đi. Tôi cũng đoán ra được là các anh đang lo tìm đường chạy thoát.

Khoảng 2 giờ trưa, chúng tôi nghe tin từ Quân Đoàn IV đưa sang là Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn VI và Quân Khu 4, đã tuẫn tiết. (Thật ra lúc đó chỉ là tin đồn đãi của anh em binh sĩ, suy luận theo tính khí của Tướng Hưng. Khi sang đến Hoa Kỳ, tôi được đọc bài hồi ký của bà Kim Hoàng - vợ Thiếu Tướng Hưng đăng trên một nhật báo ở Nam California, tôi mới biết ông chết vào lúc 8 giờ 45 phút tối.)

Còn Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV, thì vẫn chưa có tin tức gì. (Sau này, tôi mới biết buổi chiều 30 tháng 4, ông còn vào Quân Y Viện Phan Thanh Giản thăm hỏi, an ủi các thương binh binh, trở về tiếp xúc với đại diện phía bên kia, nhưng đã tuần tiết vào sáng sớm ngày 1 tháng 5- 75. Dân chúng cả thành phố Cần Thơ đều được biết tin đó. Ôi! Đáng kính phục, cảm động, và xót xa biết bao trước cái chết của hai vị Tướng Quân trấn thủ miền Tây. Tới ngày nay người Việt hải ngoại và trong nước vẫn ngậm ngùi, thương tiếc, không thể nào quên được...

“Nhắm mắt lại anh có còn nhìn thấy quê hương, quê hương buồn giờ phút thê lương?

Nhắm mắt lại anh có còn thấy rừng lửa cháy, đêm tăm tối khóc than với vợ, người lính chiến đấu trong lệ rơi?

Nhắm mắt lại anh có còn nhìn thấy anh em, trong hoang tàn giờ phút oan khiên?

*Nhắm mắt lại anh có còn thấy người tình cũ, ngồi trong bóng tối đếm đau buồn, để mãi mãi nhớ anh vô cùng...”**

Lúc đó, tại Toà Đặc Ủy Giám Sát, tin Tướng Hưng tuần tiết đã làm mọi người ngỡ ngàng, xót xa, kính phục. Riêng tôi, tôi đã rơi nước mắt một cách chân thành vì tôi rất hâm mộ “Người Hùng An Lộc” đó. Trên con đường mang tên Nguyễn Viết Thanh, ở Cần Thơ, có hai căn biệt thự cách nhau không xa. Một căn sơn toàn màu hồng, ầm cúng, không to lắm nhưng rất xinh xắn, đó là căn nhà của Tướng Lê Văn Hưng. Còn căn kia lớn hơn, đẹp hơn nhưng khác màu sắc, nghe nói đó là nhà của Tướng Đặng Văn Quang. Mỗi lần đi ngang căn nhà màu hồng, tôi liên tưởng đến người anh hùng mà tôi rất ngưỡng mộ đang ở trong ngôi nhà đó và cảm thấy có chút vui vui. Giờ đây người ấy đã anh dũng nằm xuống rồi, căn nhà kia trước sau gì cũng sẽ về tay kẻ khác. Ôi! Thế sự đổi thay nào ai biết được.

Chúng tôi ngồi lại đó thêm chút nữa rồi từ giã các chú ra về.

Lúc này tôi mới thấy chồng tôi buồn bã, lo âu ra mặt. Chúng

tôi trở về nhà không biết phải làm sao, tính sao vì có vẻ như đã muộn màng cho mọi quyết định rồi? Cậu tôi có một Salon xe hơi, hiện trong tiệm còn hơn chục chiếc xe hơi mới và cũ. Cậu đến bàn với chồng tôi hãy lấy xe chạy xuống Rạch Giá tìm tàu đánh cá, nhờ họ đưa ra tàu Mỹ, vì cậu cho rằng tàu Mỹ chưa đi còn neo ngoài khơi để vớt đồng bào ta. Chồng tôi không đồng ý vì không dễ gì Việt Cộng cho mình đi đường sông sè. Mình nghĩ được cách đó họ cũng nghĩ được và bằng mọi giá họ sẽ ngăn cản mình, có khi bị bắn chết nữa. Và lại, chắc gì còn tàu bè để ra khơi trong lúc này. Thế là chúng tôi chỉ còn biết thờ dài chờ đợi những gì sắp xảy đến.

Buổi chiều khoảng ngoài 4 giờ, bỗng nhiên có nhiều binh sĩ, mặc quân phục VNCH, mở cổng tràn vào nhà tôi. Nhìn kỹ lại là các anh em họ của tôi. Một anh đang là Huấn Luyện Viên ở Trung Tâm Huấn Luyện Cái Vồn - Bình Minh (thuộc tỉnh Vĩnh Long, nhưng cách Cần Thơ chỉ qua một cái phà). Các bạn anh vì gia đình ở xa nên cùng theo anh đến nhà tôi. Một anh đang làm tại Trung Tâm 4 Tuyển Mộ Nhập Ngũ cũng kéo các bạn đến. Hai người em họ khác đang đóng quân gần Cần Thơ nên cũng chạy về... Tất cả họ còn rất trẻ, hầu hết là sĩ quan cấp Úy. Nhà tôi không đủ chỗ, các anh em ngồi la liệt trên bàn ghế, dưới đất, ngoài sân... Thậm chí có anh nằm dài trên nền gạch lấy hai tay làm gối. Họ đưa mắt nhìn nhau rồi lắc đầu, không ai nói lời nào. Tôi chỉ nghe những tiếng thở dài buồn bã, đau đớn, thương tâm.

Buổi chiều hôm ấy, không biết mẹ tôi chạy tìm ở đâu được hai con gà và nấu một nồi cháo to tướng nhưng không có rau, gỏi gì cả. Các anh em chẳng ai buồn ăn uống, vì thế mẹ tôi nói:

- Các cháu phải ráng ăn một chút để có sức còn tính được chuyện gì thì tính chứ.

Nghe lời mẹ tôi, các anh ăn mỗi người một chén cháo cho đỡ dạ. Sau đó, trở lại tình trạng cũ: mỗi người ngồi một góc, không ai nói chuyện với ai.

Vào khoảng 7, 8 giờ tối, nhiều loạt súng nổ tới tấp, liên hồi. Các anh giựt mình nhìn nhau ngơ ngẩn. Chồng tôi và vài anh không hẹn mà cùng buông một câu giống như nhau:

- Tụi nó vô rồi.

Anh quay sang tôi:

- Tiếng đó là tiếng súng AK của tụi nó.

Nói xong, anh ngả người xuống salon, hai tay gát lên trán



***Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng,
Tư Lệnh Phó Quân Đoàn VI
và Quân Khu 4, đã tuấn tiết,
khoảng 2 giờ chiều ngày 30
tháng 4 năm 1975.***

và nước mắt trào ra... Đây là lần thứ nhì tôi nhìn thấy anh khóc. Lần thứ nhất là khi nghe tin Bố anh mất. Các anh kia cũng vậy. Hầu hết đều rướm nước mắt, vẻ mặt rất đau khổ. Giông tố, bão bùng sắp chụp xuống đầu các anh. Tương lai mờ mịt, hoài bão tan tành, tuổi đôi mươi hào hùng rồi sẽ về đâu? Tôi chợt thấy lạnh toát người và nước mắt bỗng tuôn tràn theo từng loạt súng của kẻ thù vang dội mỗi lúc một nhiều hơn.

Đêm đó là một đêm đau buồn nhất trong đời tôi, suốt đêm không ngủ, hàng trăm ý nghĩ trong đầu óc. Không biết cảm nghĩ của chồng tôi và các anh thế nào, nhưng ở cương vị của một người vợ chỉ đứng sau vinh nhục của chồng mà tôi còn bàng hoàng, ngơ ngẩn, hồi hộp, lo sợ. Tôi biết rồi đây cuộc đời mình sẽ thay đổi tất cả và mạng sống của chồng mình cũng không được bảo đảm an toàn. Tôi nghe một bà hàng xóm từ Campuchia chạy về kể lại việc thăm sát của Khờ Me Đỏ. Thật hãi hùng! Hai con trai của bà, một người là Giáo Sư, một người là quan Tư (Thiếu Tá) đã bị giết rất dã man. Bà may mắn dẫn đưa con gái nhỏ chạy thoát về

Việt Nam... Tôi không biết rồi đây Việt Cộng sẽ đối xử với các anh ra sao, những người cùng giòng giống, cùng màu da, cùng chủng tộc với họ, nhưng khác ý thức hệ?

Ngày hôm sau, các anh em từ giã để về nguyên quán. Có người ở Sài Gòn, ở Huế, Biên Hòa, Bình Dương, Phan Thiết... Mẹ tôi phải đem tiền riêng của bà ra cho các anh làm lộ phí vì các anh chưa kịp lãnh lương. Tôi nhìn theo bóng họ ra về mà lòng nghèn nghẹn thương cảm. Thế là hết rồi sao? Một chính thể mà các anh và bao nhiêu chiến sĩ đã dùng xương máu để bảo vệ đã sụp đổ qua lời đầu hàng của một cá nhân sao? Rồi đây số phận của hàng triệu quân nhân và công chức sẽ ra sao dưới bàn tay Cộng Sản? Ôi! Đau đớn thay cho một chế độ bị bức tử một cách thật vô lý.

Khắp các nơi, khắp các nẻo đường loa phóng thanh của VC kêu gọi binh sĩ VNCH ra trình diện để đi “học tập” đường lối của “cách mạng”! Lúc này không biết chồng tôi nghĩ sao lại có ý định bỏ trốn. Tôi sợ quá khuyên anh từ từ xem xét lại tình hình. Khi thấy nhiều sĩ quan của ta, ra trình diện anh có vẻ đỡ căng thẳng hơn đôi chút.

Không trốn được thì dù sao anh cũng phải ra trình diện với họ. Tôi nghĩ đi sớm sẽ về sớm để còn lo kiếm cách làm ăn. Tôi chuẩn bị cho anh thức ăn, những vật dụng cá nhân cần thiết và thuốc men, nhưng anh chỉ lấy có một lon thịt và vài món đồ dùng thôi, vì nghĩ mình không cần.

Chúng tôi chần chừ đến ngày 3 tháng 5 mới cùng anh ra trình diện. Khi anh vừa đến cửa sở thì tên cán bộ nắm vùng lâu nay trong sở anh bước tới nắm lấy anh kéo vào trong ngay. Anh chỉ kịp giao xe lại cho tôi và dặn tôi phải chờ và chạy theo xe họ để xem họ sẽ chở anh đi đâu.

Tôi chờ đợi không biết bao lâu trước sở anh, mắt chăm chú nhìn vào cánh cửa cổng. Bỗng tôi thấy mấy chiếc xe GMC bít bùng chạy ra, nhờ phía sau xe chỉ có miếng poncho kéo lại và chồng tôi cố ý ngồi sau cùng, ép mình sát vào tấm vải che nên

tay áo sơ mi sọc của anh lộ ra cho tôi nhận thấy. Tôi biết chắc chiếc xe đó có chồng tôi nên tôi chạy miết theo... Sau cùng, những chiếc xe đó rẽ vào Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Vùng 4 (nơi anh Nguyễn Hữu Phước phục vụ trước đây), ở gần bến Bắc Càn Thơ.

Không phải chỉ có riêng tôi mà còn rất nhiều chị em đã cùng chạy theo xe chở các anh. Khi biết chắc chồng mình đã bị đưa đến đây, chúng tôi bàn bạc với nhau nên luân phiên canh ở cổng và báo tin cho nhau nếu các anh lại bị chuyển đi nơi khác nữa. Hoàn cảnh của chị em chúng tôi lúc đó rất đáng thương. Sáng sớm đã đứng đông nghẹt trước cửa trại (lúc này họ đã gọi là trại tập trung rồi) trông ngóng, tìm kiếm, dò xét xem VC có đưa chồng mình đi làm “lao động” đâu đó chẳng? Mặt mũi người nào cũng bơ phờ hốc hác vì không ngủ. Lúc này tôi gặp lại cô bạn học cùng lớp suốt 7 năm ở Trung Học tên Võ Thị Lý Lan, mà mấy năm rồi vì hoàn cảnh chúng tôi không có dịp gặp nhau. Lý Lan cho biết chồng Lan là Thiếu Tá Công Binh cũng bị giam ở đây.

Ngày hôm đó từ trong trại một xe chở một số anh đi lao động chạy ra, vì xe mui trần nên các anh và chị em chúng tôi đưa tay vẫy gọi nhau inh ỏi. Thành linh, tôi thấy Lý Lan rút trong túi áo ra một mảnh giấy, cột vào một viên sỏi và dùng dây thun bắn mảnh giấy đó lên xe các anh. Tôi hỏi:

- Mày bắn gì lên xe mấy anh vậy?

Lý Lan trả lời:

- Đêm qua vì quá thương nhớ chồng nên tao đã làm một bài thơ. Tao chưa kịp cho mày coi. Hồi này, tao bắn nó lên xe mấy anh rồi, nhưng tao còn nhớ rõ lắm. Hy vọng chồng tao bắt gặp và anh nhận ra nét chữ của tao.

Nói xong Lý Lan đọc một hơi cả bài thơ cho tôi nghe. Lâu quá rồi tôi không còn nhớ hết, đại khái nhớ vài câu như là...

*“ Anh sống lạc loài giữa đám ngu
Âm thầm anh sống kiếp thầy tu*

*Thầy tu trong đám người ngu ấy
Nửa kiếp thầy tu, nửa kiếp tù”.*

Tôi cần nhắc Lý Lan:

- Mày làm như vậy là mày hại mấy anh đó. Nếu tụi cán bộ thấy được không cần biết là của anh nào, các anh sẽ bị... Tao không dám tưởng tượng được chuyện gì sẽ xảy ra.

Nghe tôi nói thế, Lan có vẻ hồi hận lắm. (Vào năm 2004 nhật báo Viễn Đông ở Nam California có xuất bản ba quyển “Chuyện Vợ Người Tù Cải Tạo” gồm hơn 150 bài viết của các chị. Trong đó có bài “Bức Tâm Thư” của chị Ngọc An. Chị kể lại khi đi ra Bắc thăm chồng, gặp các anh đi lao động, các anh ra dấu chỉ vào một lùm cây có giấu những mảnh giấy viết mấy câu thơ đã bị xé nhỏ. Các chị đã ghép lại thành đủ một bài thơ và đặt tên là “Bức Tâm Thư Của Người Tù Cải Tạo”.

Bài thơ dùng những từ ngữ như: đám ngu, thầy tu, nửa kiếp thầy tu, nửa kiếp tù... Tôi nghĩ có lẽ những anh làm ra bài thơ đó là những người năm xưa đã từng bị giam ở Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Vùng 4 ở Cần Thơ và đã được đọc bài thơ đầy phần uất, ai oán, bi thương của Lý Lan? Tôi chắc chắn rằng Lý Lan là người đầu tiên làm ra bài thơ với những từ ngữ đó. Chắc các anh trên xe hôm ấy đã bắt được và chuyển cho nhau xem thấy những từ ngữ hay hay, thích hợp nên dùng lại thôi. Thời gian đó là những ngày đầu tháng 5-1975, nên không thể có người nào làm sớm hơn Lý Lan được. Rất tiếc là mấy năm sau chồng Lý Lan đã chết trong tù và tôi cũng không hỏi Lý Lan xem chồng cô ta có thấy bài thơ đó không?

Những ngày đứng trông ngóng chồng trước cửa trại của chị em tôi kéo dài khoảng bốn tháng. Chúng tôi đã bắt con phải nhịn ăn để dành thức ăn mỗi ngày gửi vào cho chồng, nào thịt heo kho, thịt gà xào mặn, tôm rim và cả thuốc lá, cà phê... Số lượng thực phẩm đưa vô trại hằng ngày rất nhiều, chúng tôi phải sắp hàng dài mới được gửi vào. Khoảng chừng bốn tháng sau, các anh bị chuyển đến trại giam khác. Một số đưa đến

Trung Tâm Chiêu Hồi, một số đến Trại Quân Lao Càn Thơ và chúng tôi được gặp mặt chồng. Lúc bấy giờ mới biết ra là mấy tháng qua chúng tôi chỉ nuôi mấy tên cán bộ Cộng Sản vì thức ăn chẳng có anh nào nhận được. Mỗi ngày chúng chỉ cho các anh ăn cầm hơi thôi, thức ăn ngon chúng lấy hết rồi, chồng tôi ốm teo vì chẳng có gì bổ dưỡng cả.

Tôi là một giáo chức nên cũng bị bắt đi “học tập chính trị” mất hai tuần lễ ở Chương Thiện (Vị Thanh). Nói học tập chứ thật sự là vào phòng học ngồi nghe tên cán bộ giáo dục chửi chế độ miền Nam. Sau đó, hẳn bắt chúng tôi phát biểu ý kiến. Thật ngán ngẫm tình đời, những người bạn ngày nào thân thiết, đầy tình nghĩa với mình mà nay họ trở mặt quay lưng tố khổ và chà đạp mình thậm tệ. Mỗi lần phát biểu ý kiến, tôi ngồi lặng thinh, chờ đến sau cùng bị tên cán bộ nêu đích danh thì tôi đứng lên ấp úng:

- Tôi... không có ý kiến gì hết.

Tên cán bộ vỗ bàn:

- Chị đừng tưởng tôi không biết gì nhé. Chị là vợ “ngụy”, chị ngoan cố không muốn cải thiện, không giác ngộ theo về với “cách mạng” thì chị đừng hòng chồng chị được về sớm.

Ngày nào tôi cũng bị hẳn xài xẻ, mắng nhiếc nặng nề như thế. Tôi thấy tủi thân, nhục nhã quá không thể ở lại được nữa. Tôi thầm nghĩ phải trốn về nhà thôi, đưa con của tôi mới ba tuổi vừa xa cha vừa nhớ mẹ làm sao nó chịu được. Thế là sáng sớm ngày hôm sau dù chưa xong khóa học, tôi xách giỏ lên ra bến xe về nhà. Cũng may là chẳng ai truy cứu hay nói gì về việc này cả. (Hai năm sau, em gái tôi lên Ty Học Chánh Càn Thơ lãnh lương tình cờ thấy được tên tôi vẫn còn trong bảng danh sách lương của họ. Ai lãnh?)

Khi tôi về đến nhà thì việc đầu tiên là lên thăm chị Khóa xem chị ra sao, vì chị vừa mới sinh cháu bé hơn một tháng. Chị cho biết sẽ đem các cháu về quê ở miền Trung để nương nhờ bên Nội, chứ một mình chị không thể nuôi nổi đàn con.

Tôi cúi đầu tiên chị dù lòng không nở chia tay.

Tôi đã tự động bỏ nghề dạy học và bắt đầu theo các chị em cùng cảnh ngộ ra chợ trời chạy xuôi, chạy ngược để kiếm tiền nuôi con và lo cho chồng. Một ngày kia có tên Việt Cộng cấp bậc cao, trung tá, nhờ người quen giới thiệu tìm tôi để bán nhu yếu phẩm mà có lẽ hẳn lấy cấp trong kho hàng Quân Tiếp Vụ nên ngại mang ra chợ bán. Hẳn muốn tôi phải đến nhà hẳn lấy hàng. Nếu mua được những loại hàng như vậy thì sẽ có



Đại Tá Hồ Ngọc Cẩm, Tỉnh Trưởng Chương Thiện

Lúc này tên Việt Cộng ra vẻ biết chuyện:

- Ồ, nhà này của “thằng Thiếu Tá Phước” mà. Nghe nói vợ y đã dọn về quê, hình như... ở Tây Ninh.

Tôi buồn bã không nói lời nào, thế là các bạn trong bốn gia đình K20 Võ Bị ngày nào đã xa tôi hết rồi. Chị Khóa về quê tận miền Trung, chị Phước cũng đi xa, anh chị Hôn đã di tản sang Mỹ... Chị Hôn còn thiếu tôi món nợ là chị hứa với tôi mùa Hè năm nay sẽ dẫn tôi xuống Chương Thiện chơi thăm chị Hồ Ngọc Cẩm vì chị rất thân với chị Cẩm. Chị đã hẹn với chị Cẩm sẽ dẫn thêm một người bạn xuống, chị Cẩm vui vẻ hứa sẽ tiếp đón các em. Riêng tôi cũng muốn biết xem tỉnh Chương Thiện như thế nào mà “nổi tiếng không an ninh” ở

lời nhiều nên tôi đành nghe theo hẳn. Tôi dò theo địa chỉ và... khi đứng trước căn nhà tôi sững sờ, rơi nước mắt vì đó là nhà của anh chị Phước. Tôi hỏi hẳn:

- Tại sao ông ở đây?

Hẳn không dám nói thật:

- Thằng cháu tôi đã mua nhà này, tôi chỉ ở nhờ thôi.

- Chủ nhà này là bạn của tôi. Ông có nghe chị ấy dọn đi đâu không?

Vùng 4.

Nhưng rồi mùa Hè ấy mãi mãi không bao giờ đến. Tôi cũng không làm sao quên được cái ngày đau thương đất trời vẩn vù, oán khí tràn ngập không gian, dân chúng cả thành phố Cần Thơ xót xa, ngơ ngẩn... Đó là ngày Việt Cộng đem Đại Tá Tỉnh Trưởng Chương Thiện Hồ Ngọc Cẩn ra hành quyết ở pháp trường bãi cát bên bờ sông Cần Thơ. Người chiến sĩ của QLVNCH oai hùng, bất khuất, anh dũng kia đã không cho kẻ thù bịt mắt, anh muốn nhìn thẳng vào nòng súng địch bắn vào mình và đã hô to **“Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm”** trước khi gục xuống. Rất nhiều người đã âm thầm rơi lệ xót xa, thương cảm, kính phục mà không dám nói thành lời.

Rồi kể từ đó tôi, đã thật sự bước vào cuộc điều linh, gian khổ. Những đắng cay tủi nhục, những vất vả ngược xuôi, lặn lội thăm chồng, những nỗi lo lắng nhớ thương... mãi đè nặng lên đôi vai gầy của một người vợ trẻ, không thể nào kể hết. **Nhưng dù phong ba bão táp vây quanh, dù đất bằng dẫy sóng tôi vẫn can đảm vượt qua, vẫn chiến thắng nghịch cảnh để chờ đợi ngày chồng trở về...**

Nữ văn, thi sĩ Tường Thúy (phu nhân của anh Hà Mạnh Sơn, K20) qua Tuyển Tập Văn Thơ **“Thì Thầm Cùng Anh”** đã diễn tả, đã nói lên tất cả những bi ai thống khổ, những nhớ nhung mong đợi, những khắc khoải lo âu, những nhục nhằn chịu đựng... của một người vợ lính trong những ngày tháng đau thương đó. Đây không hẳn là tâm trạng của riêng chị Tường Thúy mà đó cũng là tâm trạng, hoàn cảnh, cảm nghĩ chung của hầu hết chị em chúng tôi **“vợ những người lính Việt Nam Cộng Hòa năm xưa”**.

Thời gian thoáng trôi nhanh như bóng câu ngoài song cửa. Tóc xanh ngày nào giờ đã úa màu, phai sắc nhưng nỗi buồn, niềm đau vẫn còn bàng bạc, quán quỵện trong cơn gió nhẹ, trong màu nắng vàng của Tháng Tư lịch sử tang thương. Tuy nhiên tôi vẫn luôn mong mỏi, vẫn hy vọng,

vẫn chờ đợi một ngày được trở lại quê hương trong vinh quang, rạng rỡ, một ngày đất nước thật sự thanh bình.

Tôi sẽ về thăm quê ngoại, qua dòng sông xưa, nhìn con đò nhỏ, đi trên con phố cũ... để tìm lại dư hương của một thuở nào còn sâu đậm giữa hồn tôi.

**Quân Lệnh Cuối Cùng – Việt Dzũng.*



Thơ Sông Hàn

Mến tặng những người con QNĐN- nđg, K19

Bao năm, ta không về thăm sông Hàn
Bấy năm nhớ, chuyến đò ngang đò dọc
Năm xưa cùng em, lên đò đi học
Nay quê người, man mác gọi dòng sông!

*Dòng sông quê hương, vẫn chảy thong dong
Cho dù chiến tranh... đạn bom tàn phá
Tiếng súng im rồi, người người vội vã
Bỏ lại phố phường... phủ áo ra đi*

Bỏ lại Hàn giang, ai cũng nghĩ, vì
Cây súng, cái còng... làm ta lo sợ
Ta và Đà Nẵng, ân tình nặng nợ
Ta đi rồi, nợ vẫn tình mang

*Xưa, ta chinh nhân, em đi lấy chồng
Em bỏ thi, mảnh bằng Trung Học
Em bỏ thi, ta buồn muốn khóc
Tại bất tài, không dỗ ngọt được em!*

Sông Hàn vợ tư, vẫn chảy ngày đêm
Chẳng thiết tha chi, chuyện đời thế sự
Người Bắc vào Nam, điềm lạnh hay dữ
Lịch sử sang trang, lệ chảy... thôi đành!

*Và bao nhiêu người, nay đã thành danh
Từ độ xa sông, chưa về bến cũ
Còn nhớ Hàn giang, những ngày máu mủ?
Những ngày lửa đạn, đốt cháy tuổi thơ!*

Thật tình ta, chẳng mong em đợi chờ
Vì dư biết, em con bông con bé
Ngày nào sủng gươm, bây giờ bóng xế
Ngã ngựa giữa dòng, ngồi khóc bên sông!

*Có mấy ai, khi trở lại dòng sông
Còn nhớ rõ, mình sinh ra từ đó?
Còn nhớ được, mình tắm sông từ nhỏ
Bơi lội vui đùa, trên bến sông xưa*

Nay nhớ sông, đến độ lũy thừa
Trôi giạt mãi, đêm nằm nghe tê tái
Đêm nằm nghe, con sông Hàn chảy lại
Trong tim mình, ngày tháng cũ thương yêu.

Cali 2009 - NGUYỄN ĐÔNG GIANG

